

Số: **965** /QĐ-STNMT

Kon Tum, ngày **22** tháng **12** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở
và tài sản khác gắn liền với đất**

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

Xét đề nghị của Văn phòng Đăng ký đất đai tại Tờ trình số 2411/TTr – VPĐKĐĐ, ngày 18/12/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 09 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp trên địa bàn thành phố Kon Tum (có danh sách kèm theo).

Lý do thu hồi Giấy chứng nhận: Thu hồi đưa vào lưu trữ cùng hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện biến động đất đai.

Điều 2. Chánh Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Trung tâm CNTT TN&MT(đăng tin);
- Lưu: VT, VPĐKĐĐ.

**K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Thanh Hải

DANH SÁCH THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT, QSH NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STNMT, ngày / 12 / 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị kiểm tra: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum

Đơn vị thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum.

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	Lê Văn Khỏe	K 245386	18/12/1997	Vinh Quang	66	2	2136	ONT(400) HNK(11736)	
2	Nguyễn Thị Hồng	A 148993	05/07/1990	Trần Hưng Đạo	144	6	500	ODT(400) HNK(100)	
3	Lê Văn Hùng-Võ Thị Ngọc Nguyệt	AD 806382	10/08/2006	Đăk Năng	13	33a	895	ONT(100) HNK(795)	
4	Hộ bà Trần Thị Nhi	CO 306180	30/8/2018	Chư Hreng	397	3	1758.1	ONT(150)+HNK (1608.1)	
5	Võ Thị Sơn	C 414585	25/07/1994	Nguyễn Trãi	141	4	427	ODT(400) HNK(27)	
6	Khúc Trọng Tân	M 161321	25/5/1998	Trần Hưng Đạo	39	6	1701	ODT(400) HNK(1301)	
7	Đoàn Thị Phiến Nguyệt	AP 983636	10/09/2009	Đăk Rơ Wa	146	4	652	Vườn	
8	Đậu Thúy Hằng	CL 946978	30/10/2017	Đăk Blà	808	18	881.6	ONT(398) HNK(483.6)	
9	Đậu Thúy Hằng	CV 512152	22/07/2020	Đăk Blà	494	18	797.5	ONT	